

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/HC-PT

Ngày: 14/02/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tôn

Các Thẩm phán:

Ông Trương Công Thi

Bà Võ Thị Ngọc Dung

Thư ký phiên tòa: Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 412/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 155/2024/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Mông Văn P**, sinh năm 1968 và bà **Chu Thị T**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:

Chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, đồng thời gia đình ông P luôn chấp hành nghĩa vụ công dân nơi cư trú, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước.

Do có chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi đất làm khu tái định canh đập Krông Pắc Thượng nên Ủy ban nhân dân huyện E đã ban hành Thông báo về việc thu hồi diện tích đất của gia đình ông P 18.225,5m² (Là một phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002); đồng thời, ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo Quyết định số 67 thể hiện diện tích đất thu hồi nêu trên của gia đình ông P có nguồn gốc “Khai phá, lấn chiếm năm 1996 sử dụng không liên tục, đến năm 2006 sử dụng liên tục cho đến nay...”. Từ đó, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 50% giá trị đất. Ngoài ra, từ trước năm 1991, gia đình ông P phát canh, khai phá diện tích đất để trồng lúa, phát triển kinh tế gia đình và quản lý, canh tác mỗi năm 02 vụ lúa với diện tích 12.950,4m² nhưng không được đền bù, hỗ trợ. Từ việc xác định nguồn gốc đất, quá trình canh tác, quản lý đất của UBND huyện E gia đình hoàn toàn không đồng ý, bởi:

- Thứ nhất: Về diện tích đất thu hồi có nguồn gốc gia đình ông P khai hoang từ năm 1988 - 1989 và sử dụng ổn định, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 gia đình ông P quản lý, canh tác ổn định và không bị Lâm trường, Chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, đồng thời gia đình ông P luôn chấp hành nghĩa vụ công dân nơi cư trú, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước.

- Thứ hai: Việc Ủy ban nhân dân huyện E khi thu hồi đất xác định gia đình ông P quản lý không liên tục và đến năm 2006 mới sử dụng ổn định là hoàn toàn không đúng với nguồn gốc sử dụng đất. Năm 2001, gia đình ông P ký hợp đồng nhận đất và năm 2002 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều đó xác định thời điểm này gia đình ông P đã canh tác, sử dụng đất ổn định và liên tục.

- Thứ ba: Theo quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thể hiện diện tích đất nêu trên gia đình ông P sử dụng liên tục từ năm 2006 đến nay để hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với mức 50% và không bồi thường đất trồng lúa là không đúng với nguồn gốc đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, công khai hoang, tôn tạo đất của gia đình ông P.

Đối với Chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước ông P và gia đình luôn chấp hành. Tuy nhiên, việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định

thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường để xác định diện tích thuộc **Tiểu khu F, xã C** của gia đình ông **P** với mức hỗ trợ 50% là không đúng pháp luật.

Vì vậy, nay ông **P**, bà **T** khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

“Huỷ một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 – Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**, đối với hộ gia đình ông **Mông Văn P, Chu Thị T**.

Buộc **Ủy ban nhân dân huyện E** ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông **Mông Văn P, Chu Thị T** theo đúng quy định của pháp luật”.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:

1. Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:

Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 9747, 9749, 9752, 8227, 10194, 10221, 10222, 10226, 10227, 10230, 10231, 8175, 8200, 119/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 27/8/2021, ngày 29/11/2022, ngày 09/01/2023 của **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ**. Hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** sử dụng diện tích 32.650,6m² tại thửa đất số 98, 100, 103, 105, 75, 104, 105, 109, 111, 114, 115, 103, 235, 97, tờ bản đồ địa chính TĐ07 và tờ bản đồ địa chính số 88 thuộc **thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Căn cứ Kết quả xác nhận số 84/KQXN-UBND, ngày 07/10/2022 của **UBND xã C** về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình khu tái định canh số 2 và Công văn số 128/CV-UBND ngày 09/12/2022 của **UBND xã C** về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định canh số 2; Công văn số 28/CV-UBND ngày 15/3/2023; Công văn số 62/CV-UBND, ngày 25/4/2023; Công văn số 67/CV-UBND, ngày 28/4/2023 của **UBND xã C** về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định canh (PA 06 hộ).

Diện tích 32.650,6m² hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** sử dụng có nguồn gốc: Khai phá, lấn chiếm năm 1991 trên phần diện tích 952 ha thuộc quyền

sử dụng của **Lâm trường E** (nay là **Công ty TNHH MTV L**) đã được **UBND tỉnh Đ** thu hồi bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND, ngày 01/8/2000 về việc thu hồi quyền sử dụng 952 ha đất của Lâm trường Ea Kar giao cho **UBND huyện E** quản lý để thực hiện Phương án giao đất, giao rừng và đã được **UBND huyện E** cấp GCNQSDĐ cho 84 hộ gia đình, cá nhân (phần diện tích hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** sử dụng thuộc diện tích đã cấp GCNQSDĐ các hộ gia đình: Hộ ông **Hoàng Văn C2**, hộ bà **Ma Thị T2**, hộ ông **Mông Văn N**, hộ ông **Hoàng Văn T3**) theo Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 13/3/2002 của **UBND huyện E**.

Căn cứ bản đồ Lâm nghiệp năm 2005, **UBND xã C** xác nhận diện tích thuộc thửa đất số 98, 100, 103, 105, 75 sử dụng không liên tục từ năm 1991 đến năm 2005; sử dụng đất liên tục từ năm 2006 cho đến nay; diện tích thuộc thửa đất số 235, 104, 109, 111, 114, 115 sử dụng ổn định liên tục từ năm 2002; diện tích thuộc thửa đất số 97 đất chưa sử dụng.

2. Đối với việc bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”.

Căn cứ theo Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.”

Căn cứ kết quả xác nhận của UBND xã C về kết quả xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình Tái định canh số 2 thì hộ gia đình có nguồn gốc khai phá, lấn chiếm sử dụng đất đã được UBND tỉnh thu hồi quyền sử dụng 952 ha đất của Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý để thực hiện phương án giao đất, giao rừng theo Quyết định 1605/QĐ-UBND, ngày 01/8/2000 của UBND tỉnh Đ và thuộc phạm vi đã cấp GCNQSDĐ cho 84 hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định số 75/QĐ-UBND, ngày 13/3/2002 của UBND huyện E.

Căn cứ Công văn số 8668/UBND-TNMT, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đ về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng tại dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, tại mục 5 quy định:

“...Các trường hợp sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh; các trường hợp sử dụng đất trước đây thuộc quyền quản lý, sử dụng của các nông lâm trường quốc doanh (nay là Công ty NI) đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trên diện tích đất này chưa được UBND huyện cấp GCNQSDĐ thì không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ theo Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk”.

Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích đất nằm trong phạm vi thu hồi không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Đối với việc hỗ trợ về đất:

Căn cứ Kết quả kiểm đếm đối với các hộ gia đình; Kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã C tại Kết quả xác nhận số 84/KQXN-UBND ngày 07/10/2022 của UBND xã C về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất công trình khu tái định canh số 2 và Công văn số 128/CV-UBND ngày 09/12/2022 của UBND

xã C về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định canh số 2; Công văn số 28/CV-UBND ngày 15/3/2023; Công văn số 62/CV-UBND ngày 25/4/2023; Công văn số 67/CV-UBND ngày 28/4/2023 của **UBND xã C** về việc đính chính, bổ sung một số nội dung liên quan đến xác nhận nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định canh (PA 06 hộ).

Theo xác nhận của **UBND xã C** thì hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** lấn chiếm, sử dụng đất nên được xem xét hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với diện tích đất lấn chiếm sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2006; được xem xét hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với diện tích đất lấn chiếm sử dụng ổn định liên tục từ năm 2002.

4. Hỗ trợ khác về cây trồng:

Theo xác nhận của **UBND xã C** thì hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** lấn chiếm, sử dụng đất nên được xem xét, hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với diện tích đất lấn chiếm sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2006; được xem xét hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với diện tích đất lấn chiếm sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2002.

Căn cứ khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

5. Về nhà ở, tài sản vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

Căn cứ khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Theo xác nhận của **UBND xã C** thì hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** lấn chiếm sử dụng đất nên việc xây dựng công trình, vật kiến trúc được xem xét hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

6. Các chế độ hỗ trợ:

Theo xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản của **UBND xã C** thì hộ gia đình đang sử dụng đất lấn, chiếm không đủ điều

kiện bồi thường về đất do đó không được hưởng các chế độ hỗ trợ khác như: Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ hộ nghèo, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Vì vậy, việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 – Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, đối với hộ gia đình ông Mông Văn P, Chu Thị T là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 155/2024/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ khoản 2 Điều 66; Điều 69 Luật Đất đai 2013;

- Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc: Yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 – Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, đối với hộ gia đình ông Mông Văn P, Chu Thị T; buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Mông Văn P, Chu Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2024, ông Nguyễn Đình C là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm.

Đại diện VKSCC phát biểu. Về tổ tụng HĐXX cấp phúc thẩm chấp hành đúng các quy định về tổ tụng hành chính. Về nội dung. Đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên các quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nguồn gốc đất:

Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 13/3/2002, hộ ông **Mông Văn P** được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số O 366750 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ Độc lập, diện tích 65.000m² tại xã C, huyện E, mục đích sử dụng đất là đất lâm nghiệp.

Ngày 27/5/2021, UBND huyện E ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND, về việc thu hồi, huỷ bỏ giá trị pháp lý Quyết định giao đất và huỷ bỏ giá trị pháp lý GCNQSDĐ số O 366750 của hộ ông **Mông Văn P**; với lý do thu hồi, huỷ bỏ: Hộ ông **Mông Văn P** không tuân thủ Khế ước trồng rừng đã ký kết với UBND huyện năm 2001, không xác định được vị trí, sử dụng đất không đúng hồ sơ giao đất, thửa đất được giao để các hộ khác lấn chiếm và sử dụng đất không đúng mục đích được giao; Vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và vi phạm pháp luật về đất đai.

Ngày 17/5/2023, UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc thu hồi 32.650,6m² đất của hộ ông **Mông Văn P** để xây dựng Khu tái định canh số 2 thuộc dự án: Hồ chứa nước **Krông Pách T4** trên địa bàn xã C, huyện E. Diện tích thu hồi được xác định qua các mảnh trích đo và tại thửa đất số 98, 100, 103, 105, 75, 104, 105, 109, 111, 114, 115, 103, 235, 97, tờ bản đồ địa chính TĐ07 và tờ bản đồ địa chính số 88 thuộc thôn B, xã C.

[2] Xét kháng cáo ông **Mông Văn P** thì thấy.

[2.1] Đối với bồi thường về đất:

Gia đình ông **P** bị thu hồi diện tích đất 32.650,6m²; diện tích đất này gia đình ông **P** hiện không có GCNQSDĐ. Căn cứ Kết quả xác nhận số 84/KQXN-UBND ngày 07/10/2022 và các Công văn đính chính, bổ sung của UBND xã C thì diện tích 32.650,6m² hộ ông **P**, bà **T** sử dụng có nguồn gốc: Khai phá, lấn chiếm năm 1991 trên phần diện tích 952 ha thuộc quyền sử dụng của **Lâm trường E** (nay là Công ty TNHH MTV L) đã được UBND tỉnh Đ thu hồi bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND, ngày 01/8/2000 (phần diện tích hộ ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** sử dụng thuộc diện tích đã cấp GCNQSDĐ các hộ gia đình: Hộ ông **Hoàng Văn C2**, hộ bà **Ma Thị T2**, hộ ông **Mông Văn N**, hộ ông **Hoàng Văn T3**). Vào năm 2002, hộ ông **Mông Văn P** đã được UBND huyện

E cấp GCNQSDĐ số O 366750 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ Độc lập, diện tích 65.000m² tại xã C, huyện E; tuy nhiên, ngày 27/5/2021, UBND huyện E ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND về việc thu hồi, huỷ bỏ giá trị pháp lý Quyết định giao đất và huỷ bỏ giá trị pháp lý GCNQSDĐ số O 366750 với lý do “... không xác định được vị trí, sử dụng đất không đúng hồ sơ giao đất...”; đồng thời cũng không có căn cứ để xác định diện tích đất bị thu hồi nằm trong vị trí của GCNQSDĐ số O 366750.

Căn cứ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở...hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”, thì gia đình ông P, bà T không đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

[2.2] Đối với nội dung hỗ trợ về nhà ở, tài sản vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

Do nguồn gốc đất của hộ ông Mông Văn P được xác định là lấn chiếm nên Ủy ban nhân dân huyện E xem xét hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với diện tích đất gia đình ông P lấn chiếm sử dụng ổn định liên tục từ năm 2006; xem xét hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với diện tích đất lấn chiếm sử dụng ổn định liên tục từ năm 2002.

Xét thấy; UBND huyện E căn cứ khoản 4 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ để xác định giá trị hỗ trợ đối với tài sản, vật kiến trúc khác gắn liền với đất đối với hộ ông Mông Văn P là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện VKS, bác kháng cáo của ông Mông Văn P, bà Chu Thị T và người đại diện theo ủy quyền V/v yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 – Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk. Đối với hộ gia đình ông Mông Văn P, Chu Thị T.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông **Mông Văn P** và bà **Chu Thị T** là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ khoản 2 Điều 66; Điều 69 Luật Đất đai 2013;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông **Mông Văn P**, bà **Chu Thị T** và người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Đình C**; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 155/2024/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc: Yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 67/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu tái định canh số 2 – Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**, đối với hộ gia đình ông **Mông Văn P, Chu Thị T**; buộc **Ủy ban nhân dân huyện E** ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông **Mông Văn P, Chu Thị T** theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông **Mông Văn P**, bà **Chu Thị T** được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

.Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn